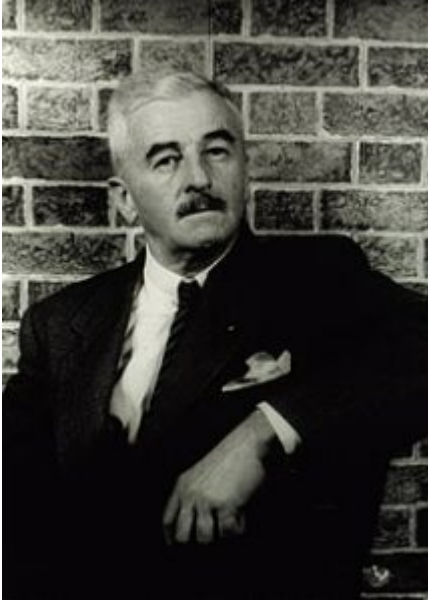


một đoá hồng cho emily

Posted By *William Faulkner* On 27/10/2022 @ 11:06 pm In Sáng Tác, Truyện ngắn | [No Comments](#)



Khi cô Emily Grierson chết, cả thị trấn chúng tôi đi đám tang: đàn ông theo kiểu trân trọng cảm mến một tượng đài đã đổ, đàn bà phần lớn vì tò mò muốn xem bên trong nhà cô, nơi ít ra mười năm qua chưa ai vào, trừ ông già giúp việc, vừa nấu bếp vừa làm vườn.

Ngôi nhà lớn, khung gỗ vuông vắn, hồi xưa màu trắng, trang trí những vòm bát úp, chớp nhọn, ban công cuộn theo phong cách thanh thoát dày đặc của thập niên 1870, nằm trong khu phố đã có thời sang trọng nhất của chúng tôi. Nhưng mấy tiệm sửa xe và máy tách bông gòn lẫn dần và xoá sạch ngay cả những tên tuổi khả kính ở khu xóm ấy; chỉ còn ngôi nhà của cô Emily vẫn giương cao vẻ mực nát bưng bình và đom đống trên mấy chiếc xe chở bông gòn và máy bơm xăng – một vật chướng mắt giữa những thứ chướng mắt. Giờ đây cô Emily đã về với các đại biểu tên tuổi khả kính đang yên nghỉ trong nghĩa trang trồng cây tuyết tùng gần như che lấp các ngôi mộ ghi rõ cấp bậc hoặc vô danh của những người lính Nam và Bắc quân đã ngã xuống trong trận đánh ở Jefferson.

Khi còn sống, cô Emily là một biểu tượng của truyền thống, một bồn phận, và một mối lo; một loại nghĩa vụ truyền từ đời này qua đời khác mà thị trấn cư mang, bắt nguồn từ một hôm trong năm 1894 khi Đại tá thị trưởng Sartoris miễn thuế suốt đời cho cô sau ngày cha cô mất – ông thị trưởng cũng là cha đẻ sắc lệnh cấm phụ nữ da đen xuất hiện ngoài phố mà không đeo tạp dề. Cô Emily đâu có nhận cứu tế. Đại tá Sartoris bịa ra một chuyện hàm ý rằng cha cô Emily

đã cho thị trấn vay tiền, và theo thoả thuận thì thị trấn chọn cách này để trả nợ. Chỉ những ai thuộc thế hệ có kiểu suy nghĩ như Đại tá Sartoris mới bịa ra được điều này, và chỉ có đàn bà mới có thể tin.

Khi thế hệ kế tiếp với quan niệm tân tiến hơn lên làm thị trưởng và nghị viên thì cách dàn xếp này gây ra vài điều bất như ý. Đầu năm họ gửi giấy báo thuế cho cô. Tới tháng Hai không có hồi âm. Họ gửi một văn thư chính thức, yêu cầu cô lúc nào thuận tiện hãy ghé văn phòng cảnh sát trưởng. Một tuần sau, chính ông thị trưởng viết thư cho cô, đề nghị ông sẽ đến hay đưa xe của ông tới đón cô, và nhận được thư trả lời trên tờ giấy kiểu xưa, nét chữ thảo mảnh khảnh, viết bằng mực mờ nhạt, hàm ý rằng bây giờ cô không ra khỏi nhà. Tờ giấy báo thuế cũng được gửi kèm theo, không lời bình phẩm.

Hội đồng Nghị viên họp một buổi đặc biệt. Một đoàn đại biểu tới thăm cô, gõ cánh cửa chưa có người khách nào bước qua từ khi cô thôi dạy vẽ trên đồ sứ tám hay mười năm trước. Ông già da đen đón họ vào cái hành lang mờ tối có cầu thang dẫn lên chỗ tối hơn. Ngôi nhà có mùi bụi và mùi đồ vật không dùng đến – một mùi ẩm thấp ngọt ngào. Ông da đen dẫn họ vào phòng khách. Bàn ghế bọc da nặng nề. Khi ông da đen mở một bức rèm cửa sổ, họ thấy da bọc đã rạn nứt; và khi họ ngồi xuống, bụi mờ bay lên lơ lửng quanh đùi họ, bụi quay tròn chậm rãi trong tia nắng duy nhất. Trên giá vẽ thép vàng đã xỉn trước lò sưởi là bức chân dung bằng bút chì màu của cha cô Emily.

Họ đứng lên khi cô vào. Dáng cô nhỏ, mập trong bộ áo đen, tì trên cây gậy gỗ mun đầu bọc vàng đã xỉn, đeo sợi dây chuyền vàng mỏng thả xuống eo rồi biến mất trong thắt lưng. Khung xương cô nhỏ và mảnh; có lẽ vì thế cô có vẻ béo phì trong khi người to xương nom chỉ bụ bẫm. Cô có vẻ sưng phù, vàng vọt như một cơ thể ngâm lâu trong nước đọng. Đôi mắt cô khuất dưới những nếp béo phì trên mặt, nom như hai mẩu than nhỏ ấn vào cục bột khi nó nhìn từ mặt người khách này sang khách khác trong lúc họ trình bày mục đích của họ. Cô không mời họ ngồi. Cô chỉ đứng trong cửa lặng lẽ nghe cho tới khi người nói áp úng ngưng lại. Khi ấy họ có thể nghe tiếng tích tắc của cái đồng hồ khuất ở đầu sợi dây chuyền vàng.

Giọng cô khô lạnh: "Tôi không có thuế ở Jefferson. Đại tá Sartoris đã giải thích cho tôi rồi. Có lẽ quý vị có thể tìm trong hồ sơ thành phố để biết."

"Nhưng chúng tôi tìm rồi. Thưa cô Emily, chúng tôi là viên chức thành phố. Cô không nhận được giấy của chính ông cảnh sát trưởng ký hay sao?"

Cô Emily nói: "Ừ, tôi có nhận một tờ giấy. Có lẽ ông ấy nghĩ ông ấy là cảnh sát trưởng... Tôi không có thuế ở Jefferson."

"Nhưng sổ sách không ghi như vậy, cô hiểu cho. Chúng tôi phải làm đúng theo..."

"Đi mà hỏi Đại tá Sartoris. Tôi không có thuế ở Jefferson."

“Nhưng thưa cô Emily...”

“Đi mà hỏi Đại tá Sartoris.” (Đại tá Sartoris đã chết gần mười năm.) “Tôi không có thuế ở Jefferson. Tobel!” Ông da đen xuất hiện. “Tiễn quý vị này ra cửa.”

II

Thế là cô đánh bại họ, về mọi mặt, như ba mươi năm trước cô đã đánh bại tổ tiên họ về mùi. Hồi đó, hai năm sau khi cha cô mất và không lâu sau khi cô bị người yêu bỏ rơi – người mà chúng tôi tin là sẽ cưới cô. Sau khi cha mất, cô rất ít khi ra ngoài; sau khi người yêu của cô bỏ đi, thiên hạ gần như không thấy cô nữa. Vài bà đánh bạo tới thăm nhưng không được tiếp, và dấu hiệu duy nhất về sự sống của ngôi nhà là ông da đen – hồi đó còn trẻ – đi ra đi vào với cái giỏ đi chợ.

Các bà nói: “Đàn ông mà... bất kể ông nào... làm sao có thể giữ bếp núc đằng hoàng,” vì thế họ không ngạc nhiên khi mùi hôi bốc lên. Đó cũng là một vụ dây dưa giữa một bên là thế giới thô thiển lúc nhúc và bên kia là dòng họ Grierson cao cả mạnh mẽ.

Một bà láng giềng phàn nàn với ông thị trưởng, chánh án Stevens, tám chục tuổi.

Ông nói: “Nhưng bà muốn tôi làm gì, thưa bà?”

Bà ta nói: “Ừa, bảo cô ấy khử mùi đi. Không có luật lệ gì sao?”

Chánh án Stevens nói: “Tôi chắc chắn là không cần. Có lẽ chỉ là con rắn hay con chuột bị dứa da đen của cô ấy giết trong vườn. Tôi sẽ bảo nó.”

Hôm sau ông nhận thêm hai lời kêu ca. Trong đó có một ông tới rụt rè cầu khẩn: “Mình quá thật phải làm gì đi, ông chánh án. Tôi là người cuối cùng trên đời làm phiền cô Emily, nhưng mình phải làm gì đi.”

Tối hôm ấy, Hội đồng Nghị viên họp – ba bộ râu bạc và một anh trẻ hơn, một người thuộc thế hệ đang lên. Anh ta nói: “Đơn giản thôi, yêu cầu cô ấy dọn sạch chỗ của cô ấy. Cho cô ấy một thời hạn để làm xong, nếu không...”

Chánh án Stevens nói: “Bố tiên sư anh, anh nói thẳng vô mặt phụ nữ là cô ta có mùi hôi hả?”

Thế là tối hôm sau, lúc quá nửa đêm, bốn ông băng qua sân cỏ nhà cô Emily, lén lút quanh nhà như bọn trộm, hít ngửi nền gạch và các lỗ hổng của tầng hầm, trong khi một người trong bọn thò tay vào cái bao tải vắt trên vai rồi đều đặn vung tay ra như gieo hạt. Họ phá cửa tầng hầm rồi rắc vôi trong đó, và rắc trong tất cả các gian bên ngoài. Khi họ băng qua sân cỏ để quay về, một ô cửa sổ sáng lên, cô Emily ngồi chắn trước ngọn đèn, thân thể thẳng đứng của cô bắt

động như pho tượng thần. Họ lặng lẽ rón rén qua bãi cỏ vào bóng tối của hàng cây bồ kết dọc bên đường. Một, hai tuần sau, mùi hôi biến mất.

Đó là lúc thiên hạ bắt đầu cảm thấy thực sự ái ngại cho cô. Nhớ tới bà cố dì Wyatt của cô rồi cuộc hoá điên hoàn toàn, dân thị trấn tin rằng gia tộc Grierson đã hơi quá tự cao tự đại so với thực tế. Không thanh niên nào đủ xứng với cô Emily, vậy thôi. Từ lâu chúng tôi đã coi họ như bức tranh; cô Emily mảnh mai mặc bộ áo trắng đứng phía sau, bóng dáng cha cô cầm roi ngựa đứng giạng chân phía trước, quay lưng lại cô, hình ảnh cả hai đóng khung trong cánh cửa mở ngược vào. Vì thế khi cô ba mươi tuổi vẫn độc thân, chúng tôi không hẳn hả hê, nhưng thấy mình đúng; dù cho gia tộc mắc bệnh điên, lẽ ra cô đừng khước từ mọi cơ hội đến với cô để biết đâu nó trở thành hiện thực.

Khi cha cô mất, người ta nói căn nhà là món duy nhất cô được thừa hưởng; và trong một kiểu cách nào đó họ khoái trá. Rốt cuộc họ có thể thương hại cô Emily. Đơn độc và nghèo túng, cô trở nên có tính người.

Bây giờ không nhiều thì ít cô cũng sẽ biết cái run sợ và tuyệt vọng quen thuộc của một đồng xu (1). Một ngày sau khi cha cô mất, tất cả các bà sẵn sàng tới nhà để chia buồn và phụ giúp theo tục lệ của chúng tôi. Cô Emily gặp họ ở cửa, mặc y phục như bình thường, mặt cô không tỏ dấu hiệu đau buồn nào. Cô bảo họ là cha cô không chết. Cô làm như vậy trong ba ngày với mấy ông mục sư tới thăm cô, và mấy ông bác sĩ cố thuyết phục cô cho họ mang xác đi. Đúng lúc họ sắp sửa dùng tới pháp luật và vũ lực thì cô ngã xuống, và họ nhanh chóng chôn cha cô.

Hồi đó chúng tôi không nói cô điên. Chúng tôi tin cô phải làm như thế. Chúng tôi nhớ tới tất cả chàng trai bị cha cô đuổi đi, và chúng tôi biết là khi không còn gì thì cô phải níu lấy cái đã tước đi của mình, như mọi người sẽ làm.

III

Cô bị bệnh một thời gian dài. Khi chúng tôi gặp lại cô, tóc cô cắt ngắn làm cô nom như con gái, hơi giống mấy thiên thần trên cửa sổ kính màu của nhà thờ – phần nào bi thương và trầm lặng. Thị trấn mới ký hợp đồng lát lề đường, và họ bắt đầu khởi công vào mùa hè sau khi cha cô mất. Công ty làm đường đem đám da đen, bầy la và máy móc tới, cùng với anh cai thợ tên Homer Barron, một tay Yankee miền bắc – một gã to lớn, da ngăm, nhanh nhẹn, to mồm và cặp mắt nhạt hơn da mặt. Bọn con trai đi theo cả đàn để nghe hắn chửi đám da đen, và nghe đám da đen hát theo nhịp cuộc lên xuống. Chẳng bao lâu hắn biết mọi người trong thị trấn. Mỗi khi có tiếng cười ầm ĩ ở bất kỳ chỗ nào quanh quảng trường, y như rằng có Homer Barron giữa đám đông. Chẳng mấy chốc, vào những chiều Chúa Nhật, chúng tôi bắt đầu thấy hắn và cô Emily lái cỗ xe bánh màu vàng với cặp ngựa hồng thuê của chuồng ngựa.

Thoạt đầu chúng tôi mừng thấy cô Emily có kẻ chú ý, vì các bà đều nói: "Tất nhiên một người trong gia tộc Grierson sẽ không chấm một đứa miền Bắc, một kẻ phu phen công nhật." Nhưng vẫn có người, các bà lão, nói rằng ngay cả đau buồn cũng không thể khiến một phụ nữ dòng dõi quên đi noblesse oblige mà không nói thẳng là noblesse oblige (2). Họ chỉ nói: "Tội nghiệp Emily. Họ hàng cô ta nên đến với cô ta." Cô có một số bà con ở Alabama; nhưng nhiều năm trước cha cô cãi nhau với họ về việc thừa kế tài sản của bà cụ Wyatt điên, rồi hai gia đình không liên lạc với nhau nữa. Thậm chí họ không có mặt ở đám tang.

Và ngay khi các cụ nói: "Tội nghiệp Emily," thì tiếng xì xào cũng bắt đầu. Họ hỏi nhau: "Ông bà cho là như vậy thật hả?" Họ vừa nói vừa che tay lên miệng: "Dĩ nhiên là vậy. Chứ còn gì nữa..." Lựa và sa tanh vén lên sột soạt sau bức màn mỏng mỏng đóng vì nắng chiều Chúa nhật, khi tiếng lóc cóc lóc cóc thưa nhanh của cặp ngựa cùng màu lướt qua. "Tội nghiệp Emily."

Đầu cô ngửng cao – ngay cả khi chúng tôi tin rằng cô suy sụp. Như thể hơn bao giờ hết, cô yêu cầu thiên hạ công nhận phẩm giá của cô với tư cách là kẻ cuối cùng trong dòng họ Grierson; như thể nó cần một chút sự phạm tục ấy để tái khẳng định sự vô nhiễm của cô. Như khi cô mua thạch tín để giết chuột. Lúc đó là hơn một năm sau khi họ bắt đầu nói: "Tội nghiệp Emily", và khi hai cô chị em họ tới thăm cô.

Cô nói với ông bán thuốc: "Tôi cần một ít thuốc độc". Dạo ấy cô ngoài ba mươi, vẫn là một phụ nữ mảnh mai, dù gầy hơn bình thường, với cặp mắt đen lạnh kiêu kỳ trên mặt, da thịt căng trên thái dương và quanh hốc mắt, như bạn hình dung bộ mặt của người gác hải đăng. Cô nói: "Tôi cần một ít thuốc độc."

"Vâng, thưa cô Emily. Loại nào? Giết chuột à? Tôi đề nghị..."

"Tôi muốn thứ tốt nhất mà ông có. Tôi bất kể loại nào."

Ông bán thuốc nói tên vài loại. "Mấy thứ này giết được cả con voi. Nhưng loại cô muốn là..."

Cô Emily nói: "Thạch tín. Loại đó tốt chứ?"

"Là... thạch tín à? Vâng, thưa cô. Nhưng loại cô muốn..."

"Tôi muốn thạch tín."

Ông bán thuốc nhìn xuống cô. Cô nhìn lại ông, thẳng lưng, mặt cô như lá cờ kéo căng. Ông bán thuốc nói: "Ồ, tất nhiên. Nếu cô muốn loại đó. Nhưng luật yêu cầu cô nói cô sẽ dùng nó vào việc gì."

Cô Emily chỉ nhìn ông ta đăm đăm, đầu cô ngửa ra để nhìn vào mắt ông, tới khi ông quay qua chỗ khác và đi lấy thạch tín rồi gói lại. Đứa da đen giao hàng đưa cái gói cho cô, ông bán thuốc

không quay lại. Về nhà, cô mở gói hàng, trên hộp ghi "Dùng cho chuột" dưới hình cái đầu lâu và hai khúc xương.

IV

Thế là hôm sau chúng tôi đều nói: "Cô ấy sẽ tự tử", và chúng tôi cho rằng như vậy là hay nhất. Lần đầu tiên thấy cô đi với Homer Barron, chúng tôi đã nói: "Cô ấy sẽ cưới hắn." Rồi chúng tôi nói: "Rốt cuộc cô ấy sẽ thuyết phục được hắn," vì chính Homer đã nói hắn không phải là loại đàn ông có gia đình – hắn thích nam giới, và người ta biết hắn nhậ nhệ với bọn thanh niên ít tuổi hơn ở Elk's Club. Sau đó, phía sau bức màn mỏng, chúng tôi nói: "Tội nghiệp Emily," khi họ lướt qua trên chiếc xe ngựa lấp lánh vào chiều Chúa nhật, cô Emily ngửng cao đầu và Homer Barron đội mũ hếch lên, răng cắn điệu xỉ gà, đeo găng vàng cầm dây cương và roi.

Khi ấy một số bà bắt đầu nói như vậy là xấu mặt thị trấn và là gương xấu cho giới trẻ. Cánh đàn ông không muốn can thiệp, nhưng cuối cùng các bà buộc ông mục sư phái Baptist – nhà cô Emily thuộc phái Episcopal – tới thăm cô. Ông ta không bao giờ tiết lộ điều gì xảy ra trong buổi nói chuyện đó, nhưng ông không chịu trở lại nữa. Chúa Nhật sau, họ lại đánh xe quanh phố phường, và hôm sau vợ ông mục sư viết cho họ hàng của cô Emily ở Alabama. Thế là cô lại có họ hàng máu mủ dưới mái nhà, và chúng tôi ngả lưng theo dõi diễn biến. Thoạt tiên chẳng có gì xảy ra. Rồi chúng tôi chắc chắn họ sẽ kết hôn. Chúng tôi được tin cô Emily tới tiệm nữ trang đặt làm một bộ gương lược bằng bạc cho đàn ông, khắc chữ H.B. trên mỗi món. Hai ngày sau, chúng tôi được tin cô mua bộ y phục đàn ông đủ các món, kể cả áo ngủ, và chúng tôi nói: "Họ cưới nhau." Chúng tôi thật sự vui mừng. Chúng tôi mừng vì hai cô chị em họ thậm chí còn có chất Grierson hơn cả cô Emily. Vì thế chúng tôi không ngạc nhiên khi Homer Barron mất biến – đường sá đã lát xong. Chúng tôi hơi thất vọng vì chẳng có điều gì gây xôn xao dư luận, nhưng chúng tôi tin rằng hắn biến đi để chuẩn bị đón cô Emily, hay để cô có cơ hội tống khứ hai bà chị em họ. (Dạo ấy chúng tôi đồng loã, tất cả chúng tôi là đồng minh giúp cô Emily qua mặt hai bà chị em họ.) Tất nhiên, một tuần sau họ ra đi. Và như chúng tôi trông đợi, ba ngày sau Homer Barron trở lại thị trấn. Một người hàng xóm thấy anh da đen đón hắn ở cửa bếp vào một tối nhá nhem. Và đó là lần cuối chúng tôi nhìn thấy Homer Barron. Và cô Emily cũng biệt tăm một dạo. Anh da đen ra vào với cái giỏ đi chợ, nhưng cửa trước vẫn đóng. Thỉnh thoảng chúng tôi thoáng thấy cô trong cửa sổ, như tối hôm ấy ông rải vôi nhìn thấy cô, nhưng gần sáu tháng cô không xuất hiện ngoài phố. Khi ấy chúng tôi biết là cũng phải dự liệu như thế; như thể phẩm tính của cha đã nhiều lần ngăn trở cô sống cuộc đời phụ nữ, cái phẩm tính đó quá độc hại và quá hung dữ không chịu tàn lụi.

Khi chúng tôi gặp lại cô Emily, cô đã mập ra và tóc hoa râm. Vài năm sau, tóc cô ngày càng bạc, tới khi có màu muối tiêu xám lạnh thì không bạc thêm nữa. Cô chết năm 74 tuổi, tóc vẫn màu xám lạnh đầy sinh lực, như tóc của người đàn ông năng động. Từ đó, cửa trước nhà cô đóng lại, trừ sáu hay bảy năm cô dạy vẽ trên đồ sứ lúc cô trạc bốn mươi tuổi. Cô sửa một phòng ở tầng

dưới thành xưởng vẽ, những người cùng thời với Đại tá Sartoris đưa con gái và cháu gái tới học cô, cũng đúng mực và cùng tâm trạng như khi họ đưa đồng 25 xu cho con cháu góp vào đĩa quyên tiền ở nhà thờ những hôm Chúa Nhật. Trong khi đó cô được miễn thuế.

Rồi thế hệ mới trở thành cột trụ và linh hồn của thị trấn, bọn học vẽ lớn lên không giữ lễ thói cũ, không gửi đến cô bọn trẻ con mang theo hộp màu, mấy cây cọ vẽ cùn mòn với tấm hình cắt trong tạp chí dành cho phụ nữ. Cánh cửa trước đóng lại lần cuối cùng và đóng hẳn. Khi dân thị trấn được phát thư miễn phí, cô Emily là người duy nhất không cho họ đóng mấy con số kim loại ở đầu cửa và gắn hộp thư. Cô không chịu nghe họ trình bày. Ngày qua, tháng qua, năm qua, chúng tôi nhìn ông da đen càng lúc càng già và lòm khòm hơn, ra vào với cái giỏ đi chợ. Mỗi tháng Chạp chúng tôi gửi cô một tờ giấy báo thuế, để rồi một tuần sau bưu điện trả lại, không người nhận. Đôi khi chúng tôi thấy cô sau mấy ô cửa sổ tầng dưới, như bức tượng chạm trở bán thân của một vị thánh trong hốc tường – hẳn nhiên cô đã đóng kín cửa tầng trên của ngôi nhà. Chúng tôi không bao giờ có thể biết cô có nhìn chúng tôi hay không. Thế hệ này qua thế hệ khác thấy cô như thế – thân kính, không thể tránh, vô nhiễm, thanh thản, và ngang ngạnh.

Rồi cô chết. Ngã bệnh trong ngôi nhà đầy bụi và bóng tối, chỉ có ông da đen khắp khiêng hầu cô. Chúng tôi thậm chí không biết cô bệnh; từ lâu chúng tôi đã không cố hỏi dò ông da đen nữa. Ông chẳng nói với ai, thậm chí có lẽ cả với cô, vì giọng ông đã khó nghe và khàn, như thế không dùng đến. Cô chết trong một căn phòng ở tầng dưới, trên chiếc giường gỗ óc chó nặng nề có màn che, mái tóc bạc của cô tựa trên chiếc gối vàng mốc vì cũ và thiếu ánh nắng.

V

Ông da đen đón các bà tới đầu tiên ở cửa trước và để họ vào, giọng họ xì xào xuýt xoa, mắt họ tò mò liếc nhanh, rồi ông biến mất. Ông đi xuyên căn nhà, ra cửa sau và không bao giờ gặp lại nữa. Hai cô chị em họ tới lập tức. Hôm sau họ làm đám tang, thị trấn tới xem cô Emily dưới một đồng hoa mới mua, với khuôn mặt vẽ chì của cha cô nhìn đăm chiêu trên cỗ quan tài, và các bà xì xào ghê rợn. Trên hàng hiên và sân cỏ, các ông cụ già khụ, một số mặc đồng phục Nam quân chải chuốt, nói về cô Emily như thể cô là người cùng thời với họ, tin rằng họ đã khiêu vũ với cô và có lẽ đã tán tỉnh cô, lẫn lộn diễn biến chính xác của thời gian, như các cụ già vẫn hay lú lẫn, đối với họ toàn bộ quá khứ không phải là con đường nhỏ dần, mà là cánh đồng cỏ bao la chưa bao giờ bị mùa đông chạm tới, và bây giờ họ bị ngăn cách với nó vì khúc đường hẹp tắc nghẽn của thập niên vừa qua. Chúng tôi vẫn biết có một phòng phía trên cầu thang không ai thấy bên trong suốt bốn mươi năm qua, và phải phá mới vào được. Người ta đợi tới khi cô Emily nằm tươm tất trong lòng đất mới mở nó ra. Tiếng phá cửa dữ dội dường như làm căn phòng ấy đầy ngập bụi. Một lớp bụi hăng hắc mong manh như vải phủ quan tài trùm khắp căn phòng trang hoàng và bày biện như phòng cô dâu: phủ trên tấm màn hồng xếp nếp đã phai màu, trên các chóa đèn hồng, trên bàn trang điểm, trên dãy đồ pha lê thanh nhã và trên bộ gương lược của

đàn ông làm bằng bạc đã xin tới nổi tên họ khắc trên đó đã mờ. Trong số đó là chiếc cổ áo và cà vạt như thể vừa mới được tháo ra, khi cầm lên nó để lại trên bề mặt một hình lưới liềm mờ trên lớp bụi. Trên ghế treo bộ vét được gấp cẩn thận; dưới ghế là hai chiếc giày cam nín và đôi vớ cởi ra.

Chính hắn nằm trên giường.

Chúng tôi đứng sững đó một lúc lâu, cúi nhìn nụ cười nhố nhám thăm thẳm không da thịt. Cái xác hiển nhiên đã có lần nằm trong tư thế ôm ấp, nhưng giờ đây giấc ngủ dài tồn tại lâu hơn tình yêu đã phản bội hắn, thậm chí chiến thắng cả cái nhố nhám của tình yêu. Hắn còn lại gì, mục rữa dưới tàn tích của bộ áo ngủ, đã không thể thoát ra khỏi cái giường hắn nằm; và lớp bụi lâu đời bèn rải đều phủ lên hắn và lên cái gối bên cạnh hắn. Rồi chúng tôi nhận thấy cái gối thứ hai có vết gối đầu. Một người trong bọn chúng tôi nhặt một vật trên gối, rồi nghiêng người tới, lớp bụi mờ vô hình ấy khô và hắt trong mũi, chúng tôi thấy đó là sợi tóc dài xám lạnh.

1 Nguyên văn: "Now she too would know the old thrill and the old despair of a penny more or less."

2 Tiếng Pháp trong nguyên tác, nghĩa là nhiệm vụ cao cả của giới quý tộc.

Dịch theo "A Rose for Emily", trích trong Collected Stories of William Faulkner, nhà xuất bản Vintage Books, New York, 1995.

Article printed from Tạp Chí Da Màu – Văn chương không biên giới: <https://damau.org/>

URL to article: <https://damau.org/75276/mot-doa-hong-cho-emily>

© 2008 damau.org - Damau Literary Portal. All rights reserved.